

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001-8 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Đức	Tâm	3371010396	29/02/1990	,00			
2	Nguyễn Hoàng	Ân	3475010002	04/09/1992	,00			
3	Phan Nguyên	An	3475010005	03/12/1992	,00			
4	Trần Xuân	Sơn	3571010028	22/02/1993	,00			Nợ HP
5	Nguyễn Đức	Thanh	3571010226	12/02/1991	4,60	4,70	4,70	
6	Nguyễn An	Toàn	3574010262	20/07/1993	5,40	4,20	4,60	
7	Lê Thành	Kính	3574011065	21/03/1993	,00			Nợ HP
8	Nguyễn Khắc	Tâm	3574011697	09/12/1992	5,40	3,70	4,20	
9	Đào Văn	Hưng	3575010824	06/09/1991	,00			Nợ HP
10	Nguyễn Thanh	Trọng	3671030116	02/11/1994	,00			
11	Nguyễn Vũ	Đức	3671030296	16/08/1994	,00			
12	Lý Văn	Đức	3671030297	17/09/1991	,00			
13	Lê Nhựt	Thanh	3671030298	03/09/1994	,00			
14	Lý Xuân	Sử	3671030311	10/06/1994	3,60	3,40	3,50	
15	Nguyễn Anh	Việt	3671030356	10/08/1991	,00			Nợ HP
16	Nguyễn Ngọc	Hoà	3671030525	28/01/1992	,00			
17	Lê Công	Tài	3671030541	24/11/1993	5,40	8,40	7,50	
18	Lê Nhật	Long	3671030543	18/10/1994	3,90	3,90	3,90	
19	Nguyễn Bá	Nhuận	3671030563	23/03/1994	5,10	6,30	5,90	
20	Lý Văn	Nguyên	3671030600	20/10/1993	6,60	4,90	5,40	
21	Đinh Hữu	Tài	3671030620	29/06/1994	7,40	5,30	5,90	
22	Võ Văn	Quang	3671030662	01/01/1993	3,30	3,00	3,10	
23	Trần Phạm Minh	Pha	3671030713	08/12/1994	4,50	4,50	4,50	
24	Nguyễn Xuân	Thành	3671030722	03/07/1994	5,40	6,80	6,40	
25	Nguyễn Văn	Phát	3671030735	10/08/1994	,00			
26	Nguyễn Thành	Trung	3671030742	21/03/1994	6,20	3,80	4,50	
27	Võ Văn	Mến	3671030756	06/10/1994	4,50	3,30	3,70	
28	Lê Bá	Cường	3671030784	01/07/1994	5,60	5,60	5,60	
29	Nguyễn Ngọc	Tài	3671030789	19/07/1994	4,60	6,80	6,10	
30	Trần Thế	Thường	3671030792	19/03/1994	3,40	3,80	3,70	
31	Nguyễn Ngọc	Hiếu	3671030861	12/10/1993	4,60	5,40	5,20	
32	Ngô Văn	Trung	3671030873	07/11/1994	4,00	2,80	3,20	
33	Nguyễn Thị Thúy	An	3671030877	13/05/1994	3,30	4,80	4,40	
34	Nguyễn Vinh	Phương	3671030879	20/01/1993	3,40	4,40	4,10	
35	Võ Minh	Hoàng	3671030896	02/09/1994	6,20	6,70	6,60	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Hồ Ngọc	Long	3671030906	22/02/1991	,00			Nợ HP
37	Huỳnh Ngọc	Tâm	3671030927	04/09/1994	,00			Nợ HP
38	Võ Dũng	Tuấn	3671030970	07/08/1994	7,40	4,50	5,40	
39	Nguyễn Ngọc	Tuấn	3671031052	01/11/1994	4,90	3,60	4,00	
40	Huỳnh Tấn	Thi	3671031055	10/10/1994	,00			Nợ HP
41	Bùi Văn	Định	3671031088	05/11/1994	,00			
42	Trần Bình	Tâm	3671031492	02/09/1993	,00			
43	Tạ Anh	Phương	3671031497	22/05/1994	7,20	5,80	6,20	
44	Phạm Đình	Tuấn	3671031504	19/04/1994	3,60	5,10	4,70	
45	Nguyễn Ngọc	Quyền	3671031595	30/08/1993	,00			Nợ HP
46	Hồ Trần	Lâm	3671032022	21/09/1994	,00			Nợ HP
47	Nguyễn Đức	Tỉnh	3671032050	29/07/1994	4,20	6,20	5,60	
48	Trần Ngô Quốc	Khanh	3671040285	31/10/1994	5,20	3,60	4,10	
49	Phạm Minh Hồng	Đại	3671040574	05/09/1994	7,60	6,20	6,60	
50	Lê Minh	Hoàng	3671040657	16/12/1994	3,90	4,00	4,00	
51	Nguyễn Duy	Cương	3671040732	27/08/1994	5,00	1,80	2,80	
52	Bùi Tuấn	Nhon	3671040995	10/05/1993	7,10	6,50	6,70	
53	Bùi Duy	Khánh	3671040997	23/07/1994	,00			
54	Huỳnh Duy	Nhất	3671040999	10/02/1993	4,20	6,90	6,10	
55	Đoàn Tuấn	Khải	3671041003	17/05/1994	4,70	1,80	2,70	
56	Nguyễn Tú	Đông	3671041006	11/10/1994	,00			
57	Nguyễn Đình	Phương	3671041028	01/05/1993	6,00	3,90	4,50	
58	Lê Công	Đức	3671041035	06/11/1994	3,00	3,30	3,20	
59	Lê Văn	Phú	3671041073	14/08/1994	,00			
60	Nguyễn Khánh	Duy	3671041140	13/04/1994	2,10	3,30	2,90	
61	Đông Anh	Khoa	3671041170	09/03/1992	,00			Nợ HP
62	Nguyễn Quang	Hiếu	3671041173	28/03/1994	5,20	4,30	4,60	
63	Lê Chiền	Thắng	3671041180	26/11/1994	,00			
64	Phan Sỹ	Tú	3671041202	28/02/1994	2,20	,40	,90	
65	Đặng Hữu	Tiền	3671041569	07/11/1993	,00			Nợ HP
66	Lê Quốc	Thịnh	3671041622	26/12/1994	,00			
67	Trần Chí	Thiện	3671041829	04/05/1994	4,20	5,00	4,80	
68	Vương Huỳnh	Triều	3671041837	13/12/1994	,00			
69	Võ Văn	Vinh	3671041893	08/03/1993	7,20	4,80	5,50	
70	Nguyễn Đức	Linh	3671041948	18/03/1994	2,40	5,20	4,40	
71	Trần Quốc	Bảo	3671041967	14/08/1994	2,10	5,10	4,20	
72	Trình Văn	Toàn	3671041983	06/01/1994	4,90	6,70	6,20	
73	Lê Minh	Thành	3671041986	20/05/1994	,00			Nợ HP
74	Nguyễn Văn	Sinh	3671041998	25/09/1994	4,00	3,20	3,40	
75	Lê Văn	Tiến	3671042048	28/01/1993	5,20	7,70	7,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Phan Thanh	Thùy	3671050659	13/01/1994	7,00	3,70	4,70	
77	Phan Minh	Ánh	3671052046	09/09/1993	,00			Nợ HP
78	Lê Đức	Huy	3672050034	04/03/1994	3,00	2,50	2,70	
79	Nguyễn Văn	Trung	3672050476	05/06/1994	7,10	6,20	6,50	
80	Nguyễn Đình	Duy	3672050548	01/01/1993	,00			
81	Lê Công	Tòan	3672050723	15/01/1994	,00			Nợ HP
82	Nguyễn Đình	Tuân	3672050891	23/09/1993	5,10	6,30	5,90	
83	Nguyễn Thái Duy	Thức	3672051198	16/06/1994	6,70	4,20	5,00	
84	Huỳnh Nguyễn Trọng	Toàn	3672051303	21/01/1994	4,10	2,60	3,10	
85	Lê Đặng Hoài	Phương	3672051600	16/08/1994	3,50	4,10	3,90	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)